

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST  
Ngày 25-01-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Anh Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông K'Đim;

Ông Lê Đăng Hiền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2019/TLST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP E (viết tắt E);

Địa chỉ: 72 L, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* ông Lê Văn Q, chức vụ Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Văn Thái Bảo N, chức vụ: Phó tổng giám đốc theo văn bản ủy quyền số 274/2018/EIB/UQ-TGD ngày 28/12/2018.

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: ông Vi Hữu H, sinh năm: 1980; chức vụ: tổ trưởng tổ tín dụng các nhân, chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền số 64/2019/EIB-HCM/TDCN/UQ-GĐ ngày 21/02/2019; Địa chỉ chi nhánh: 4B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T; địa chỉ cư trú cuối cùng: thôn L, xã L, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ 1, Khu phố H, Phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vi Hữu H trình bày:*

Ngày 23/02/2016, ông Nguyễn Đức T ký với E chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201600442 để vay số tiền 1.350.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng để thanh toán tiền mua xe ô tô tải thùng đông lạnh Dongfeng L340. Lãi suất: 9%/năm áp dụng từ ngày giải ngân đến hết ngày 26/02/2017. Sau đó, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng (lãi cuối kỳ, không tính lãi suất dự thưởng, lãi suất bậc thang) do E công bố + 4%/ năm. Phạt vi phạm do chậm trả lãi như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{phạt} \\ \text{vi phạm} \end{array} = \frac{\text{Số tiền lãi chậm trả} \times \text{lãi suất phạt (150\% lãi suất cho vay trong hạn)}}{(\text{lãi suất năm})) \times \frac{\text{số ngày chậm trả lãi}}{360}}$$

Thực hiện hợp đồng trên, E - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đã giải ngân cho ông Nguyễn Đức T số tiền 1.350.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000-LDS- 201602366 ngày 27/02/2016, Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 27/02/2016. Lịch trả nợ gốc: hàng tháng vào ngày 10 với số tiền là 28.125.000 đồng. Lịch trả lãi vào ngày 10 hàng tháng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Nguyễn Đức T đã thế chấp tài sản là 01 xe ô tô tải thùng đông lạnh Dongfeng HGA, biển số đăng ký 72C-077.62 theo Hợp đồng thế chấp số 112/EIBHCM-TDCN/TC/16 ngày 23/2/2016 đã được Phòng công chứng số 1, TP. Hồ Chí Minh chứng nhận số 003407, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/02/2016 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký Giao dịch Tài sản tại TP. Hồ Chí Minh ngày 23/2/2016 và Trung tâm Đăng ký Giao dịch Tài sản tại TP. Hồ Chí Minh đã gửi Công văn đến Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu v/v thông báo thế chấp phương tiện giao thông ngày 23/2/2016.

Sau khi nhận tiền vay, ông Nguyễn Đức T không thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc và lãi vay khi đến hạn thanh toán theo thỏa thuận đã ký. Tuy E đã tạo điều kiện trả nợ nhưng ông Nguyễn Đức T không có thiện chí trả nợ dẫn tới tình trạng nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày xét xử 25/01/2021, ông Nguyễn Đức T còn nợ tại E theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201600442 ngày 23/02/2016 tổng số tiền 1.050.069.719 đồng. Trong đó (nợ gốc 702.790.000 đồng, lãi trong hạn 269.975.976 đồng và lãi quá hạn là 77.303.743 đồng).

Nay do ông Nguyễn Đức T đã vi phạm cam kết trả nợ trong Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201600442 ngày 23/02/2016 nhưng ngân hàng không yêu cầu tính lãi phạt, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức T, thanh toán cho E toàn bộ nợ gốc và nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) của Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201600442 ngày 23/02/2016 là: 1.050.069.719 đồng (*Bằng chữ: một tỷ không trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm mười chín đồng*). Lãi tiếp tục tính kể từ ngày 25/01/2021 cho đến khi ông Nguyễn Đức T trả xong nợ cho E theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp ông Nguyễn Đức T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là xe ô tô tải thùng đông lạnh Dongfeng L340, biển số 72C-077.62 chủ sở hữu là ông Nguyễn Đức T để trả nợ E.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị T1 trình bày: bà và ông Nguyễn Đức T kết hôn với nhau năm 2001 và ly hôn năm 2016 thì ly hôn. Bà không còn liên lạc với ông T. Bà được biết sau khi ly hôn thì ông T chuyển từ Bà Rịa - Vũng Tàu đến thôn L, xã L, huyện Đơn Dương sinh sống. Sau khi ly hôn, ông T và bà có lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng theo đó ông T được quyền sở hữu xe ô tô tải đông lạnh biển số 72C-07762 đứng tên ông và chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng E, bà không liên quan gì đến số nợ này. Bà khẳng định xe ô tô tải nói trên là tài sản riêng của ông T. Bà không có tranh chấp với ông T về tài sản này. Ông T được toàn quyền sở hữu và định đoạt đối với xe tải này. Ông T thế chấp xe ô tô tải đông lạnh biển số 72C-077.62 để vay số tiền 1.350.000.000đ thì đây là nợ riêng của ông T vì thời điểm ký hợp đồng tín dụng thì bà và ông T đang sống ly thân, bà không sử dụng số tiền vay nói trên. Ngân hàng khởi kiện ông T yêu cầu trả số tiền nợ vay 1.050.069.719 đồng và nếu ông T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là xe ô tô tải đông lạnh biển số 72C-07762 thì bà không có ý kiến gì.

Theo biên bản xác minh ngày 08/4/2019 thì ông Nguyễn Đức T có vợ là Bùi Thị Quyên và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã L, huyện Đơn Dương. Tuy nhiên từ giữa năm 2018 ông bà bỏ đi khỏi địa phương và không rõ ở đâu. Theo yêu cầu của Ngân hàng Thương Mại cổ phần E yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông T. Hết thời hạn thông báo tìm kiếm 04 tháng nhưng vẫn không có tin tức gì của ông T. Do vậy, Tòa án đã niêm yết, triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Đức T nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến nên coi như ông T từ bỏ quyền lợi của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc T theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã T thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T1 có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Đức T là bị đơn trong vụ

án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T1 là phù hợp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả số tiền nợ gốc đến ngày 25-01-2021 là 702.790.000 đồng, tiền lãi suất 347.279.719 đồng, tổng cộng 1.050.069.719 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E đối với ông Nguyễn Đức T về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần E số tiền nợ gốc 702.790.000 đồng, tiền lãi suất 347.279.719 đồng, tổng cộng 1.050.069.719 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Đức T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Đức T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bà Phạm Thị T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T1 và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho các đương sự này theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần E cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: 01 Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 112/EIBHCM-TDCN/TC/16 ngày 23/02/2016 (phô tô); 01 hợp đồng cho vay số: 2000-LAV-201600442 ngày 23/02/2016 (phô tô); 01 hợp đồng cho vay kiêm kế ước nhận nợ số: 2000-LDS-201602366 ngày 27/02/2016 (phô tô), tất cả đều có chữ ký của ông Nguyễn Đức T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (phô tô); 01 Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án; 01 thông báo việc thế chấp phương tiện giao thông ngày 23/02/2016 của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Tp. Hồ Chí Minh; 01 đơn yêu cầu đăng ký giao dịch đảm bảo (phô tô). 01 văn bản xác định về đối tượng của hợp đồng giao dịch (phô tô), Biên bản xác định trị giá tài sản (phô tô), 01 hợp đồng gửi giữ giấy đăng ký phương tiện vận tải. 01 giấy xác minh liên quan đến việc thu hồi nợ của khách hàng; 01 bảng chiết tính lãi vay. 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị T1, 01 bản phô tô giấy chứng nhận kết hôn giữa ông Nguyễn Đức T

và bà Phạm Thị T1. 01 bản phô tô sổ hộ khẩu của ông T. Các chứng cứ nêu trên đã được Tòa án công khai và thông báo cho ông T biết nhưng ông không có ý kiến nên căn cứ Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét Hợp đồng cho vay số 2000-LAV-201600442, ngày 23/02/2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần E – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với ông T đã ký kết có quy định về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng và những cam kết khác được các bên thỏa thuận. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện và T thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng nên căn cứ vào Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng cho vay giữa ông T với Ngân hàng là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền cho vay theo hợp đồng nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Hợp đồng cho vay thì hình thức trả nợ gốc được trả thành 48 kỳ mỗi kỳ cách nhau 01 tháng, số tiền trả mỗi kỳ là 28.125.000đ. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/4/2016. Riêng kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 27/02/2020 và theo khoản 6.3 Điều 6 của Hợp đồng cho vay, các bên thống nhất thỏa thuận *“Trường hợp khách hàng không trả nợ 01 (một) kỳ hạn nợ gốc và (hoặc) lãi mà không được E đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ ... đồng thời E có quyền thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ phần nợ gốc và lãi chưa thanh toán và áp dụng các biện pháp xử lý theo pháp luật để thu hồi nợ trước hạn”*. Do ông T không thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi vay khi đến hạn thanh toán như thỏa thuận đã ký mà đã bỏ đi khỏi địa phương, không biết ở đâu và không không thanh toán tiền lãi và tiền gốc theo hợp đồng cho Ngân hàng, do đó có đủ cơ sở khẳng định ông T đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi suất, tổng cộng 1.050.069.719 đồng theo Hợp đồng cho vay đã ký kết ngày 23/02/2016 là có căn cứ, phù hợp với Điều 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 112/EIBHCM-TDCN/TC/16, ngày 23/02/2016 các bên ký kết thì thấy rằng: Để đảm bảo cho số tiền vay gốc 416.000.000 đồng, ông Nguyễn Đức T có thể chấp 01 xe ô tô tải thùng đông lạnh Dongfeng HGA, biển số đăng ký 72C- 077.62 theo Hợp đồng thế chấp số 112/EIBHCM-TDCN/TC/16 ngày 23/2/2016. Xét thấy, khi thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với ông T có lập văn bản thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản đúng theo quy định tại các Điều 298, 323 của Bộ luật Dân sự; Điều 3 của Thông tư số: 05/2011/TT-BTP ngày 16-02-2011 của Bộ Tư pháp và Điều 1 của Nghị định 11/2012/NĐ-CP, ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29-12-2006. Do đó Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 112/EIBHCM-TDCN/TC/16, ngày 23/02/2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần E – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với ông Nguyễn Đức T vẫn có hiệu lực pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E với ông Nguyễn Đức T về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần E số tiền vay gốc 702.790.000 đồng và tiền lãi suất 347.279.719 đồng, tổng cộng 1.050.069.719 đồng là phù hợp với Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần E không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, Khoản 1 Điều 227, Điều 232, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E (E) với ông Nguyễn Đức T về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần E (E) số tiền 1.050.069.719 đồng trong đó tiền gốc còn nợ là 702.790.000 đồng và tiền lãi suất 347.279.719 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/01/2021), ông Nguyễn Đức T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng (ông T) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 112/EIBHCM-TDCN/TC/16 ngày 23/2/2016 với ông Nguyễn Đức T vẫn có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần E (E) thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần E (E) có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sở

hữu, sử dụng 01 xe ô tô tải thùng đông lạnh Dongfeng HGA, biển số đăng ký 72C- 077.62 do ông Nguyễn Đức T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012688 được Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 22/02/2016.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T phải chịu 43.502.092 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần E (E) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần E (E) 18.193.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0011286 ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần E (E) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- CC THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đình Anh Vũ**

